TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2024/HS-ST
Ngày: 15-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ái Hòa;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thanh Trúc - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Trường Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2024/TLST-HS, ngày 24 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-HS, ngày 04 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Hà Thanh T, sinh năm 1996. Tại: tỉnh Long An.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: ấp HH, xã HH, huyện ĐH, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Hà Quang T và bà Trần Thị G; vợ, con: Chưa có;

Tiền sự: Không

Tiền án: Ngày 10/5/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt 02 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; chấp hành án tại Trại giam Mỹ Phước – tỉnh Tiền Giang, đến ngày 08/01/2023 chấp hành án xong (chưa được xóa án tích).

Nhân thân: Ngày 18/9/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tuyên phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành án tại Trại giam Thạnh Hòa - tỉnh Long Anh, đến ngày 16/3/2020 chấp hành xong (án phí chấp hành xong ngày 15/7/2020, đã được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/02/2024, tạm giam từ ngày 07/02/2024 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Thanh D, sinh năm 2002. Tại: Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp PĐ, xã PĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú hiện nay: ấp BK, xã ĐT, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Lê Hoàng N và bà Nguyễn Thị Thu T; vợ, con: Chưa có;

Tiền sự: Không

Tiền án: Ngày 13/4/2021, bị Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, Điều 38 Bộ luật hình sự tuyên phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành án tại Trại giam Tống Lê Chân – tỉnh Bình Phước, đến ngày 18/01/2023 chấp hành xong, chưa được xóa án tích.

Nhân thân: Ngày 07/4/2020 bị Công an xã Thanh Phước, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xử phạt 375.000 đồng về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy", (nộp phạt ngày 10/4/2024).

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01/02/2024, tạm giam từ ngày 07/02/2024 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1993; cư trú tại: khu phố LH, phường LH, thị xã TB, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào giữa tháng 01/2024, do không có nghề nghiệp, không có tiền tiêu xài và sử dụng trái phép chất ma túy nên Hà Thanh T rủ Lê Thanh D đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì D đồng ý. Cả 2 bàn bạc, phân công T là người trộm cắp tài sản, D là người cảnh giới; T chuẩn bị một cây đoản bằng kim loại dùng để bẻ khóa xe, 01 bình xịt hơi cay; D chuẩn bị 01 gậy điện màu đen, 01 gậy ba khúc dùng để chống trả khi bị phát hiện truy đuổi. Đến khoảng 16 giờ ngày 23/01/2024, D mượn và điều khiển xe mô tô biển số 70F1-8360 của chị Trương Thị Tuyết Ngân đi đến khu vực xã An Ninh Đông, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để gặp T. Tại đây, T đưa 01 biển số xe mô tô 62K2-5570 để D gắn vào xe mô tô biển số 70F1-8360. Sau đó, T trực tiếp điều khiển xe mô tô chở D đi quanh các tuyến đường từ khu vực huyện Đức Hoà, tỉnh Long An đến khu vực thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tìm xe mô tô để lấy trộm. Do không tìm được xe mô tô lấy trộm nên T bàn bạc với D chặn đường những người phụ nữ đi một mình, đe dọa dùng vũ lực để cướp xe mô tô thì D đồng ý. Đến khoảng 22 giờ 50 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô chở D đi đến khu vực đường Hương lộ 2 thuộc khu phố Lộc Thọ, phường Lộc Hưng, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh thì phát hiện chị Nguyễn Thị Tuyết N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision,

màu sơn xanh, biển số 70L1-675.22 đi một mình theo hướng ngược lại. Lúc này, T điều khiển xe mô tô quay lại, đuổi theo rồi áp sát, chặn đầu xe mô tô của chị N vào lề bên phải, T cảnh giới để D bật gậy điện cầm chỉ vào người chị N đe dọa, chị N hoảng sợ, không dám kháng cự nên đã giao xe mô tô biển số 70L1- 675.22 cho D. Sau khi chiếm đoạt được xe mô tô của chị N, D điều khiển xe về khu vực xã Lộc Giang, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An. Tại đây, D tìm thấy trong cóp xe số tiền 2.800.000 đồng nên cất giấu sử dụng riêng và đưa xe mô tô biển số 70L1-675.22 cho T đem đến khu vực huyện Đức Huệ, tỉnh Long An bán cho người phụ nữ tên "Mười" (không rõ họ tên, địa chỉ) với số tiền 7.000.000 đồng, T tiêu xài cá nhân hết. Qua xác minh, ngày 01/02/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Trảng Bàng mời T, D làm việc và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 31/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu sơn xanh, biển số 70L1-675.22 trị giá 13.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 395/KL-KTHS ngày 08/3/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: xe mô tô biển số 70F1-8360 số khung không bị đục xóa; số máy bị đục xóa không xác định được số máy nguyên thủy.

Cáo trạng số 43/CT-VKSTrB, ngày 24-5-2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Hà Thanh T, về tội "Cướp tài sản" theo điểm a, d, h khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự; truy tố Lê Thanh D về tội "Cướp tài sản" theo điểm a, d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử.

Tuyên bố bị cáo Hà Thanh T, Lê Thanh D phạm tội "Cướp tài sản".

Căn cứ điểm a, d, h khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Hà Thanh T từ 08 năm đến 09 năm tù.

Căn cứ điểm a, d, khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Thanh D từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 589 Bộ luật Dân sự; buộc các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại theo quy định pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo T, D thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu và đồng ý bồi thường cho bị hại.

Bị hại trình bày: Thống nhất với kết quả của Hội đồng định giá đã định; yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 15.800.000 đồng. Về trách nhiệm hình xử yêu

cầu xử lý theo quy định pháp luật.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo nhận thức hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Trảng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi của bị cáo thấy rằng: Vào khoảng 22 giờ 50 phút ngày 23/01/2024, trên Hương lộ 2 thuộc khu phố Lộc Thọ, phường Lộc Hưng, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, Hà Thanh T đã tái phạm nguy hiểm cùng Lê Thanh D sử dụng xe mô tô, gậy điện đe dọa chị Nguyễn Thị Tuyết N làm tê liệt sự phản kháng của chị N để chiếm đoạt 01 xe mô tô và số tiền 2.800.000 đồng bên trong cóp xe, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 15.800.000 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn giao thông ở địa phương.

Do đó, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo phạm tội "Cướp tài sản" theo quy định tại Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án này thấy rằng: Trong vụ án này các bị cáo có sự bàn bạc phân công vai trò, chuẩn bị công cụ phạm tội, sử dụng "xe mô tô" để thực hiện hành vi phạm tội nên Viện kiểm sát truy tố các bị cáo với 02 tình tiết định khung là "Có tổ chức" và "Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác" theo điểm a, d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Riêng bị cáo T đã tái phạm chưa được xóa án tích nên lại phạm tội mới với lỗi cố ý. Do đó, viện kiểm sát tuy tố bị cáo T với tình tiết "Tái phạm nguy hiểm" theo điểm h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật. Trong vụ án này, bị cáo T là người khởi xướng và chủ động rủ rê bị cáo D thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo T phải chịu trách nhiệm chính và cao hơn bị cáo D.

[3] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, cụ thể:

Tính chất vụ án rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hại

lớn cho xã hội. Cần xử lý nghiêm bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo D đã có tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích nay lại phạm tội mới. Do đó, bị cáo D phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo T không có tình tiết tăng nặng nhưng xét thấy nhân thân của bị cáo xấu, bị cáo có 02 tiền án.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với xe môtô biển số 70F1-8360, D khai mượn của Trương Thị Tuyết Ng; qua làm việc, Ngân không biết D mượn để thực hiện hành vi cướp tài sản; qua giám định số máy bị đục xóa không xác định được số máy nguyên thủy. Cơ quan Cảnh sát điều tra chuyển Công an thị xã Trảng Bàng tiếp tục làm rõ xử lý theo quy định.

Đối với biển số xe mô tô 62K2-5570, qua xác minh của ông Lê Hồng Q bị rơi mất vào tháng 01/2024, Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại cho ông Quí.

Đối với người phụ nữ tên "Mười" mua xe mô tô biển số 70L1-675.22 hiện không rõ họ tên, địa chỉ, chưa làm việc được Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau

[4] Về bồi thường thiệt hại: căn cứ Điều 589 Bộ luật Dân sự;

Tại phiên tòa chị N yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền 15.800.000 đồng; trong đó thiệt hại xe Vision theo kết quả định giá là 13.000.000 đồng và số tiền là 2.800.000 đồng. Trong đó, bị cáo T bán xe và sử dụng số tiền bán xe; còn bị cáo D lấy số tiền 2.800.000 đồng và sử dụng số tiền này. Do đó, bị cáo T có nghĩa vụ bồi thường cho chị N số tiền 13.000.000 đồng, bị cáo D bồi thường cho chị N 2.800.000 đồng.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Đối với 01 thiết bị nhựa màu đen, kích thước (4,5 x 2,7 x 5) cm; 01 cây gậy điện màu đen có hai đầu bằng kim loại, gậy điện chiều dài 16cm, chiều Nng 03cm, chiều cao 4,6cm (đã qua sử dụng); 01 bình xịt hơi cai tròn màu xanh – đen – đỏ, chiều dài 15 cm, đường kính 3,5cm có chữ màu trắng "NATO" (đã qua sử dụng"; 01 đoạn bằng kim loại tròn chữ L, chiều dài 11,5cm, đoạn cong dài 3cm có đầu rỗng hình lục giác 08mm, bên ngoài quấn băng keo màu xanh (đã qua sử dụng); 01 quần tây dài, màu xám – đen, kích thước (95 x 50) cm (đã qua sử dụng); 01 cái áo ka ki ngắn tay, màu xám có hoa văn màu đỏ kích thước (70x 68) cm đã qua sử dụng hiện không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động Nokia màu đen, số Imel 1:357693108398570,

số Imel 2: 35769310898579 (đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động Nokia 1286, số Imel 1: 356944110143657; số Imel 2: 356944110643656 (đã qua sử dụng); 01 điện thoại di động Nokia 1174, số Imel 1: 357752107754744, số Imel 2: 357754100660944 thu của các bị cáo T, D. Các bị cáo thừa nhận có sử dụng điện thoại để liên lạc bàn bạc với nhau thực hiện hành vị phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước điện thoại của các bị cáo.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016; mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo T phải chịu 650.000 (sáu trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, d, h khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hà Thanh T 09 (chín) năm tù, về tội "Cướp tài sản". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/02/2024.

2. Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thanh D 08 (tám) năm tù, về tội "Cướp tài sản". Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/02/2024

3. Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ Điều 586, 589 Bộ luật Dân sự.

Bị cáo Hà Thanh T có nghĩa vụ bồi thường cho chị N số tiền 13.000.000 (Mười ba triệu) đồng; bị cáo Lê Thanh D có nghĩa vụ bồi thường cho chị N 2.800.000 (Hai triệu tám trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 (một) thiết bị nhựa màu đen, kích thước (4,5 x 2,7 x 5) cm; 01 (Một) cây gậy điện màu đen có hai đầu bằng kim loại, gậy điện chiều dài 16cm, chiều ngang 03cm, chiều cao 4,6cm (đã qua sử dụng); 01 (một) bình xịt hơi cai tròn màu xanh – đen – đỏ, chiều dài 15 cm, đường kính 3,5cm có chữ màu trắng "NATO" (đã qua sử dụng"; 01 đoạn bằng kim loại tròn chữ L, chiều dài 11,5cm, đoạn cong dài 3cm có đầu rỗng hình lục giác 08mm, bên ngoài quấn băng keo màu xanh (đã qua sử dụng); 01 (một) quần tây dài, màu xám – đen, kích thước (95 x 50) cm (đã qua sử dụng); 01 (một) cái áo ka ki ngắn tay, màu xám có hoa văn màu đỏ kích thước (70x 68) cm đã qua sử dụng.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Nokia màu đen, số Imel 1: 357693108398570, số Imel 2: 35769310898579 (đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại di động Nokia 1286, số Imel 1: 356944110143657; số Imel 2: 356944110643656 (đã qua sử dụng); 01 (một) điện thoại di động Nokia 1174, số

Imel 1: 357752107754744, số Imel 2: 357754100660944.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo T phải chịu 650.000 (sáu trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT.TANDTC (Vụ 1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX.Trảng Bàng;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Cơ quan thi hành án hình sự;
- Nhà tạm giữ CA thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Công an cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Cẩm